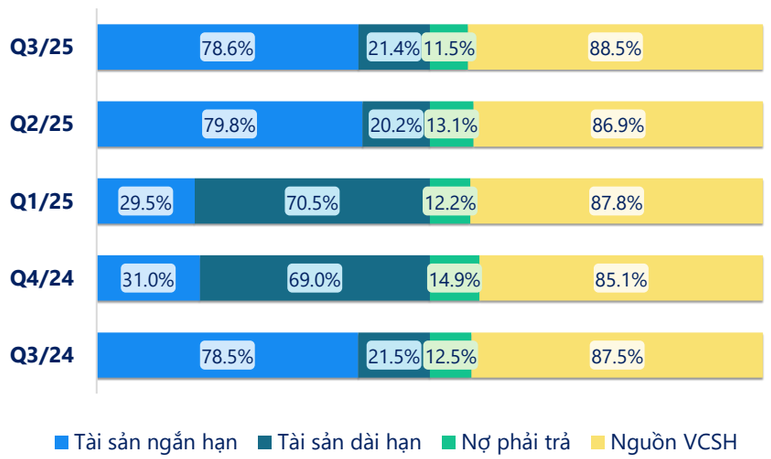
FireAnt

CTCP Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa (HSX: TIP)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	19,350
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	21,524
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,645
SL cổ phiếu LH	65,007,857
KLGD BQ 20 phiên (CP)	163,410
% sở hữu nước ngoài	17.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,258
P/E	6.7
EPS	2,876

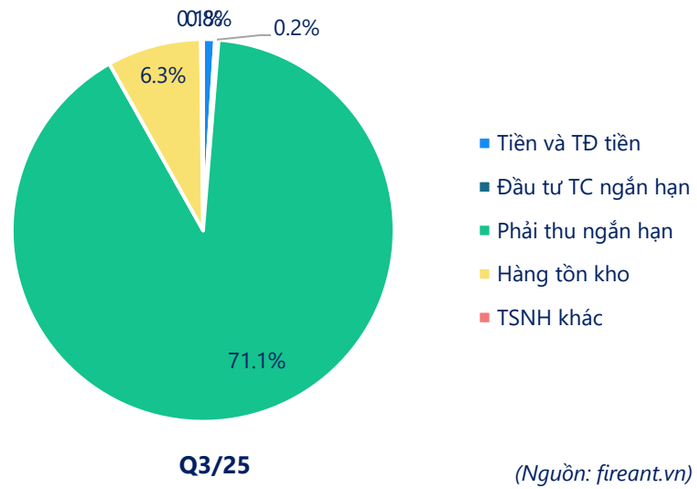
	YTD	1T	3T	6T
TIP	-2.3%	0.0%	9.7%	-3.2%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



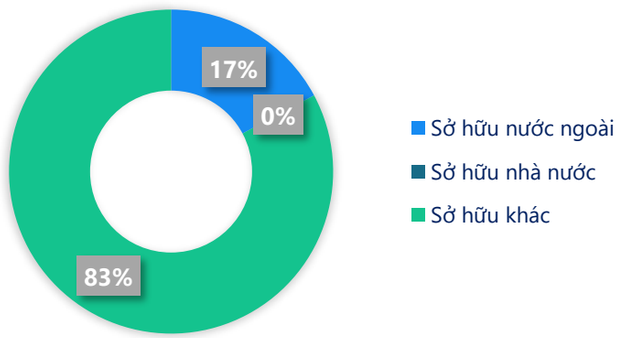
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



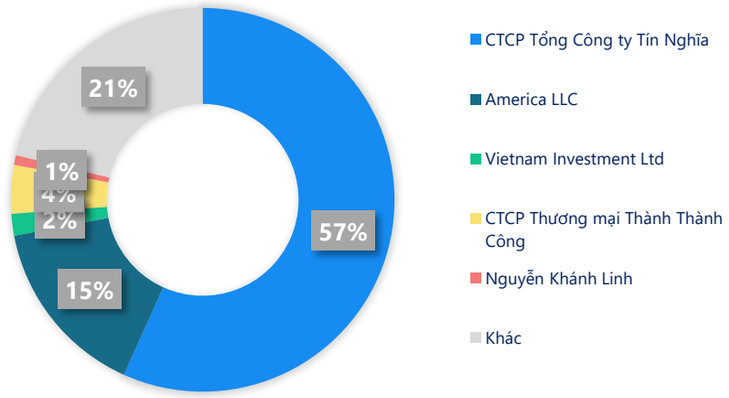
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



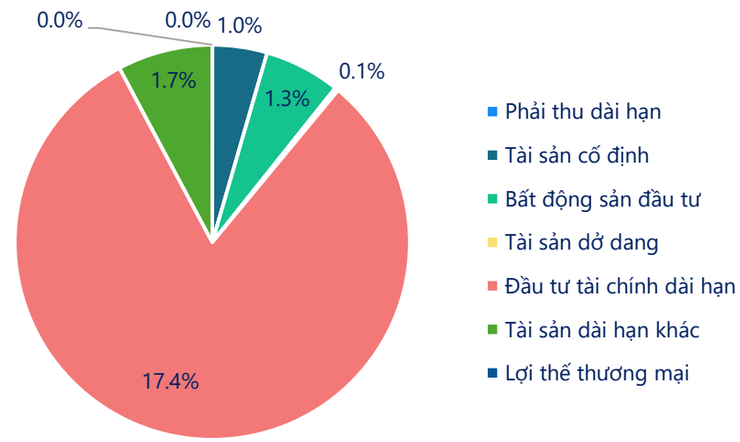
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

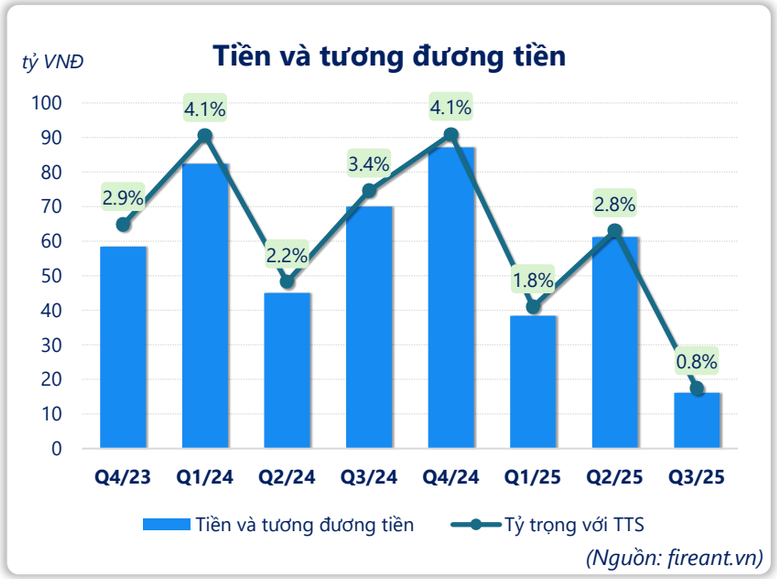
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



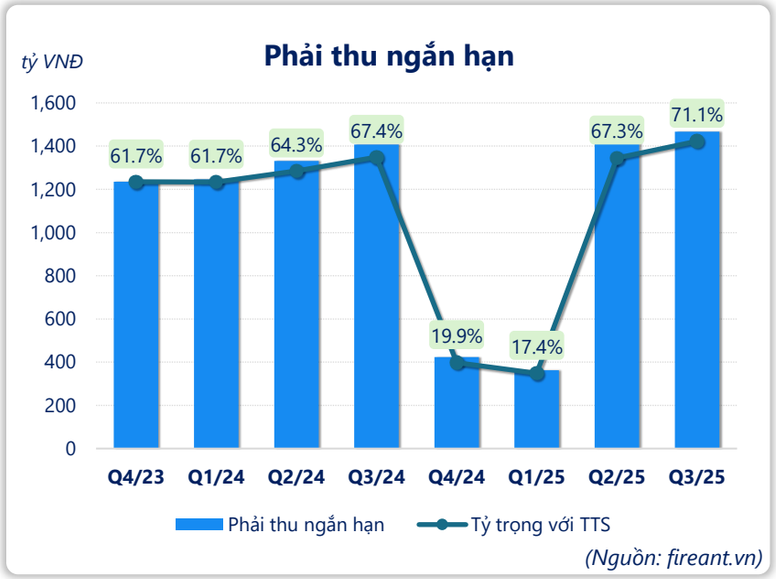
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

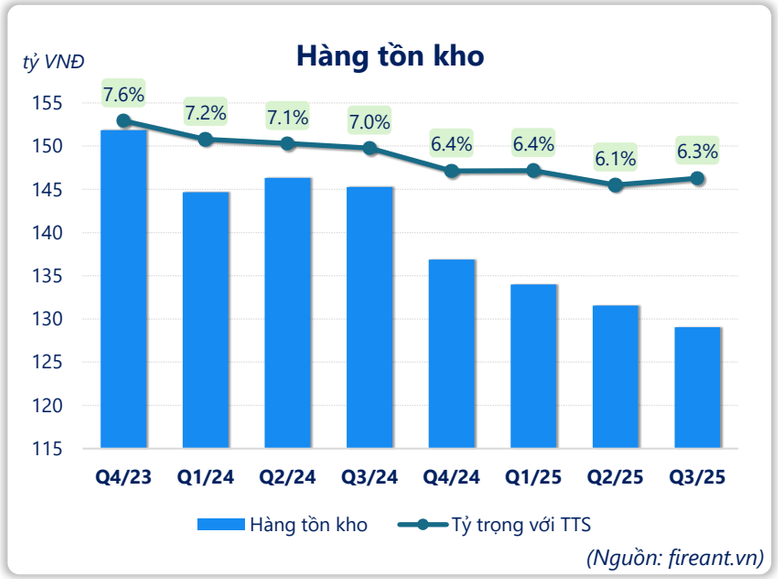
CTCP Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa (HSX: TIP)



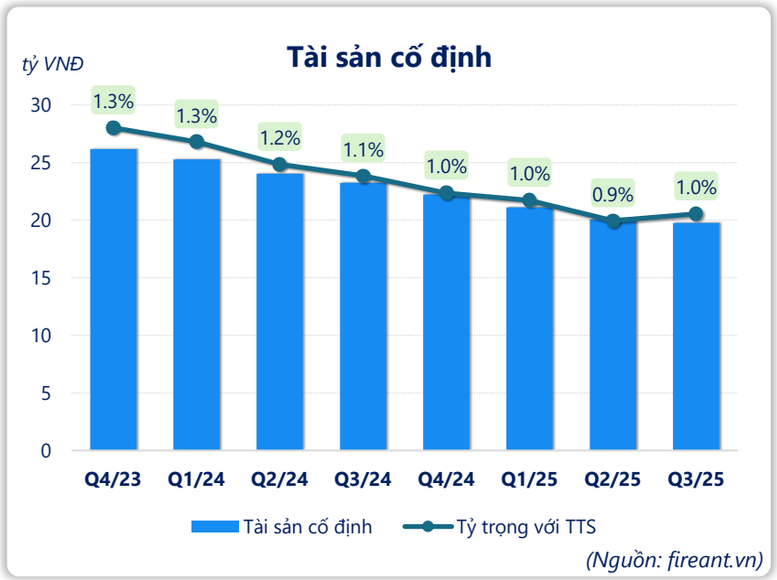
(Nguồn: fireant.vn)



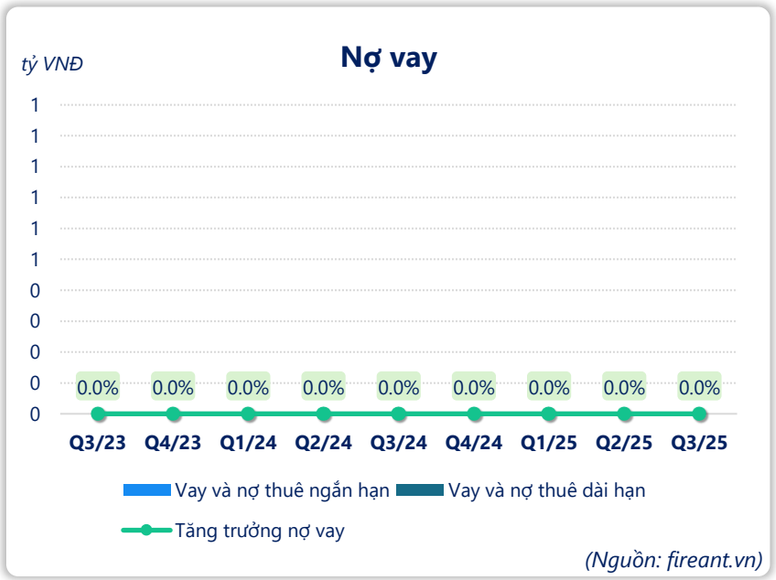
(Nguồn: fireant.vn)



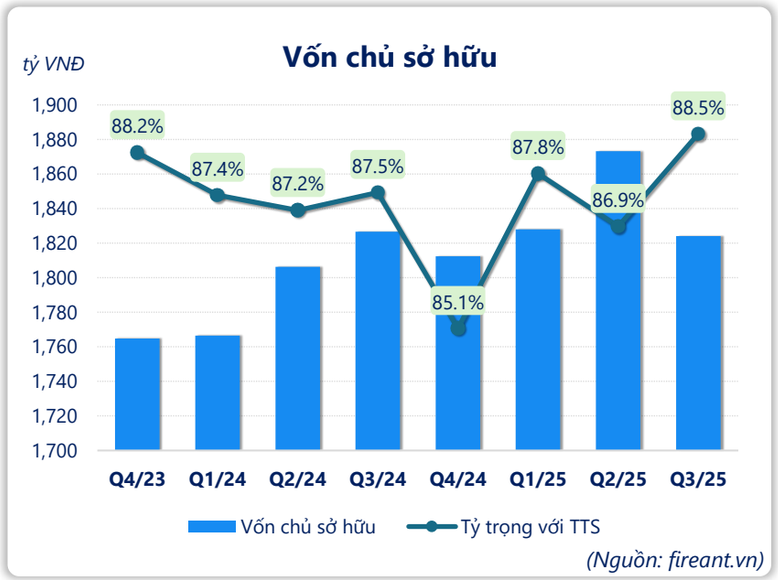
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

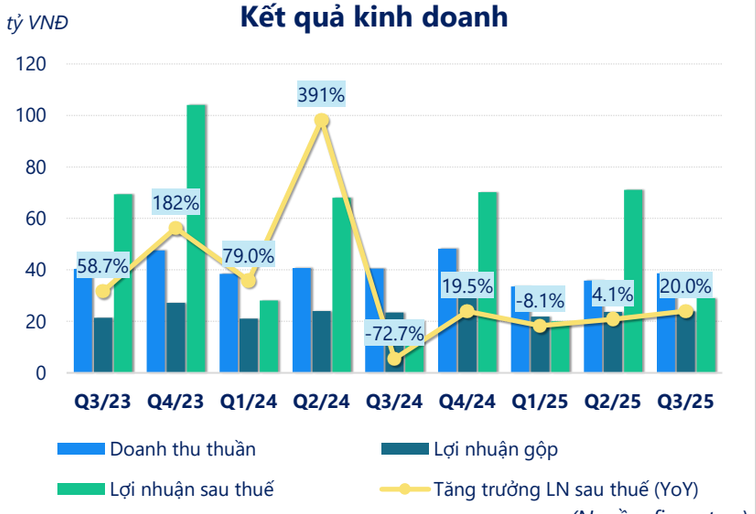


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

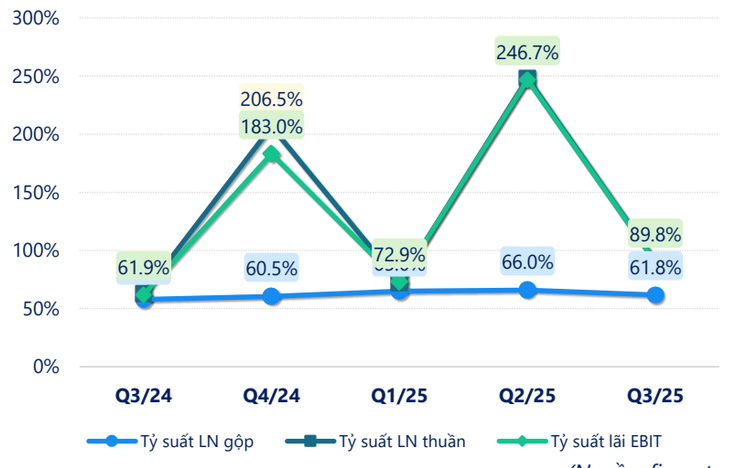
CTCP Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa (HSX: TIP)

Kết quả kinh doanh



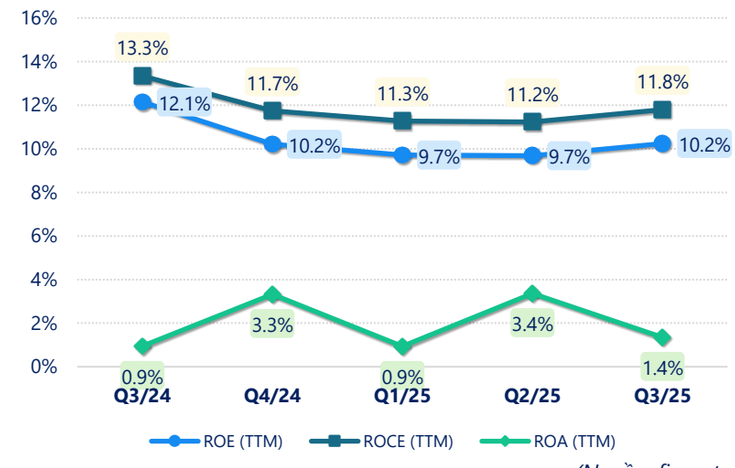
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



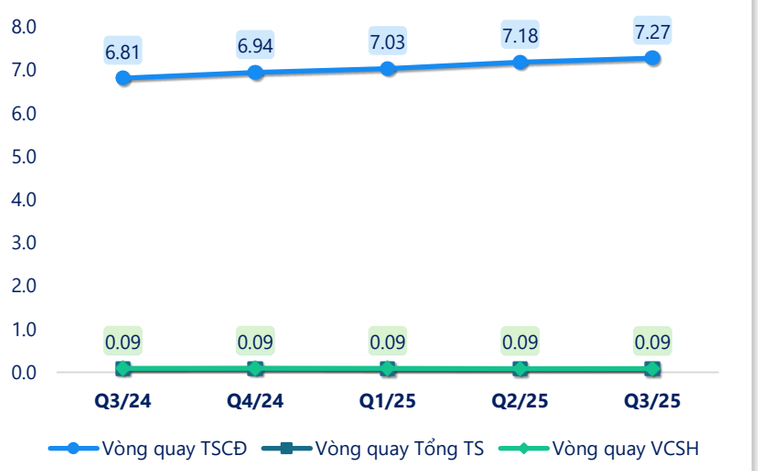
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



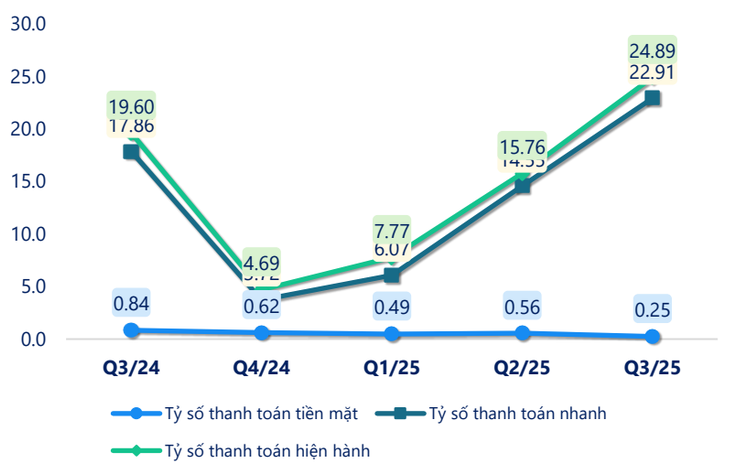
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



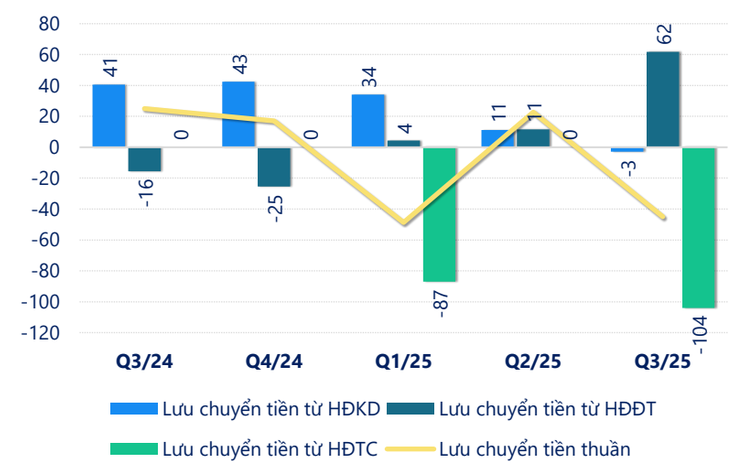
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

FireAnt

CTCP Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa (HSX: TIP)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,061**	**2,129**	**-3.2%**
Tài sản ngắn hạn	1,620	660	145%
Tiền và tương đương tiền	16.1	87.1	-81.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.90	9.30	-47.3%
Phải thu ngắn hạn	1,466	424	246%
Hàng tồn kho	129	137	-5.7%
Tài sản ngắn hạn khác	3.04	2.59	17.6%
Tài sản dài hạn	**442**	**1,469**	**-69.9%**
Phải thu dài hạn	0.05	1,033	-100.0%
Tài sản cố định	19.8	22.2	-11.0%
Bất động sản đầu tư	27.5	26.0	5.7%
Tài sản dở dang	1.30	1.30	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	359	351	2.2%
Tài sản dài hạn khác	**34.4**	**35.8**	**-3.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	237	317	-25.2%
Nợ ngắn hạn	**65.1**	**141**	**-53.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.92	3.40	-14.2%
Nợ dài hạn	172	176	-2.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,824**	**1,812**	**0.7%**
Vốn chủ sở hữu	**1,824**	**1,812**	**0.7%**
Vốn điều lệ	650	650	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	40.5	48.3	33.6	35.9	38.6
Giá vốn hàng bán	17.0	19.1	11.7	12.2	14.7
Lợi nhuận gộp	23.5	29.2	21.8	23.7	23.9
Doanh thu HĐTC	7.00	80.4	7.97	68.7	9.17
Chi phí TC	-0.11	2.79	2.06	1.81	-4.77
Chi phí lãi vay	0	0	0.02	0	0
LN trong công ty LKLD	1.83	1.57	2.27	2.03	2.51
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	6.95	8.75	5.61	3.60	5.54
LN thuần từ HĐKD	25.5	99.7	24.4	88.9	34.8
Lợi nhuận khác	-0.39	-11.3	0.07	-0.50	-0.08
LN trước thuế	25.1	88.3	24.5	88.4	34.7
Lợi nhuận sau thuế	20.3	70.2	20.0	71.1	29.0
LNST của CĐ cty mẹ	19.2	68.6	19.2	71.0	28.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	40.6	42.5	34.0	11.2	-2.86
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-15.6	-25.4	4.32	11.5	61.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-87.0	0	-104
Tiền đầu kỳ	45.0	70.0	87.1	38.4	61.2
Lưu chuyển tiền thuần	**25.0**	**17.1**	**-48.7**	**22.7**	**-45.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0.00	0.00	0
Tiền cuối kỳ	70.0	87.1	38.4	61.2	16.1

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic